

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 296/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17/8/2023

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Việt Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Tấn Phước;

2. Ông Trương Văn Hằng;

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Đỗ Ngọc Mai Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 379/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đào Văn P, sinh năm 1970; Địa chỉ: Ấp P (nay là khóm P), thị trấn Đ, huyện A, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: khu dân cư C, ấp P (nay là khóm P), thị trấn Đ, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1982; Địa chỉ: Ấp P (nay là khóm P), thị trấn Đ, huyện A, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: khu dân cư C, ấp P (nay là khóm P), thị trấn Đ, huyện A, tỉnh An Giang.

(Ông P, bà P cùng có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/3/2023 cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, ông Đào Văn P trình bày: : Hôn nhân giữa ông và bà P tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân, được sự đồng ý của hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới năm 2000 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ (nay là thị trấn Đ), huyện A, tỉnh An Giang theo số 283 ngày 04 tháng 12 năm 2003. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến thời gian đầu năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, không còn tiếng nói chung. Khoảng tháng 02 năm 2023 bà P ghen tuông vô chớ, còn đánh đối tác làm ăn của ông và đánh cả ông, vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, gia đình có hàn gắn nhưng vợ chồng không thấy sống chung lại được, ông và bà P không còn chung sống với nhau từ tháng 02 năm 2023 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nên ông yêu cầu ly hôn với bà P.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông và bà P có hai con chung tên 1/ Đào Phước K, sinh ngày 12/9/2003; 2/ Đào Thị Tú L, sinh ngày 10/10/2005. Ông có nộp tờ tường trình về việc không cung cấp khai sinh của cháu Đ và cháu L, ngày 27/3/2023 tôi có đến UBND xã Đ để trích lục khai sinh của cháu Đ và cháu L để làm thủ tục ly hôn thì được cán bộ hộ tịch xã cho biết con chung hiện nay đã trên 18 tuổi do đó con chung phải tự thực hiện thủ tục trích lục khai sinh. Hiện nay cháu Đ đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết còn cháu L hiện tại đang sống bà P. Khi ly hôn, ông đồng ý giao cháu L lại cho bà P được nuôi dạy và ông không cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích P trình bày: Bà thống nhất với trình bày của ông P về thời gian, điều kiện đi đến hôn nhân, thời gian kết hôn. Về nguyên nhân đầu năm 2021 do ông P có người phụ nữ khác bên ngoài dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không quan tâm gia đình, thường xuyên không về nhà, bà cũng nhiều lần tìm kiếm ông P. Tình cảm vợ chồng vẫn còn, bà vẫn còn thương chồng và con nên bà không đồng ý yêu cầu ly hôn của ông P.

Về con chung: Bà thống nhất với trình bày của ông P có hai con chung tên 1/ Đào Phước Đ, sinh ngày 12/9/2003; 2/ Đào Thị Tú L, sinh ngày 10/10/2005. Hiện nay cháu Đ đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu L hiện tại đang sống cùng bà và ông P. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dạy cháu L. Bà không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Tại phiên tòa, bà P đồng ý ly hôn với ông P. Tài sản chung và nợ chung ông P, bà P không yêu cầu giải quyết.

Do vụ án không có P thập chứng cứ nên Viện kiểm sát không tham gia.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông P khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà P, đồng thời ông bà P cư trú trên địa bàn huyện A. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn nên Pộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa ông P và bà P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ (nay là thị trấn Đ), huyện A, tỉnh An Giang theo số 283 ngày 04 tháng 12 năm 2003 theo quy định nên được xem là hôn nhân hợp pháp Pộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên thụ lý, giải quyết theo Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của ông P xin ly hôn với bà P. Tại phiên tòa, bà P đồng ý ly hôn với ông P nên công nhận Pận tình ly hôn giữa ông P và bà P theo Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình

[3] Về con chung: Ông P, bà P có hai con chung Đào Phước Đ, sinh ngày 12/9/2003 và Đào Thị Tú L, sinh ngày 10/10/2005. Hiện nay cháu Đ đã trưởng thành và có khả năng lao động, ông P, bà P không yêu cầu giải quyết. Cháu L hiện tại đang sống cùng ông P, bà P. Ông P đồng ý cho bà P nuôi cháu L, bà P cũng có yêu cầu được nuôi cháu L nên Hội đồng xét xử chấp nhận để bà P nuôi cháu L.

[4] Về cấp dưỡng: Bà P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện này của bà P.

[5] Về tài sản chung: Ông P, bà P xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: Ông P, bà P xác định không có nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Ông P là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Bà P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 55, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Công nhận Pận tình ly hôn giữa ông Đào Văn P và bà Nguyễn Thị Bích P.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn quyền số 283 ngày 04/12/2003 của Ủy ban nhân dân xã Đ (nay là thị trấn Đ), huyện A, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung:

Bà P được nuôi dạy con chung tên Đào Thị Tú L, sinh ngày 10/10/2005.

Bà P cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Bên không trực tiếp nuôi con, không được lợi dụng quyền thăm con hoặc có hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà gây ảnh hưởng đến việc nuôi dạy con của bên trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Ông P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai P số 0008264 ngày 26/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. (Bà P đã nộp đủ).

Bà P không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/8/2023), ông P, bà P có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Pận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 (7a, 7b) và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh AG (1);
- VKS tỉnh AG (1);
- VKS huyện AP (2);
- THADS huyện AP (1);
- UBND TTĐ (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu VP (1);
- Lưu HS (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Việt Quốc